

Số: 64 /BC-UBND

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

**Kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ 2,
Quốc hội khoá XIV**

Căn cứ văn bản số 08/ĐĐBQH ngày 09/02/2017 của Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh "V/v giải quyết kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XIV", Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XIV như sau:

1. *Cử tri một số địa phương kiến nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét có cơ chế hỗ trợ, trợ cấp cho những đối tượng người cao tuổi từ 70-≤75 tuổi thuộc hộ nghèo (hiện nay Chính phủ đã trợ cấp cho đối tượng người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên).*

Về nội dung này, Ủy ban nhân dân Tỉnh có ý kiến như sau:

- Theo Luật Người cao tuổi quy định: Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên; Người cao tuổi được hưởng chính sách bảo trợ xã hội như sau:

"- Người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

- Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng".

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 14/3/2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 14/3/2007 để triển khai Luật Người cao tuổi.

Thực hiện Luật Người cao tuổi và Nghị định có liên quan, theo đề xuất tham mưu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Nghị quyết số 48/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 về chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi trên địa bàn Tỉnh và trên cơ sở đó, ban hành Quyết định số 427/2012/QĐ-UBND ngày 29/02/2012 về thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh.

Tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 427/2012/QĐ-UBND quy định: *"Người từ đủ 75 đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng khác được*

hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng".

Năm 2016, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 mở rộng đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội ngoài quy định tại Nghị định 136/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ (thay thế cho Nghị định số 13/2010/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; trên cơ sở đó, ban hành Quyết định số 316/2017/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 quy định thực hiện trợ cấp xã hội theo Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND. Tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND quy định: *Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội ngoài quy định tại Nghị định 136/NĐ-CP được mở rộng bao gồm cả người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh thuộc hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia quy định từng thời điểm) và là người cao tuổi từ đủ 60 trở lên không còn khả năng lao động.*

Như vậy, đối với người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có khả năng lao động, cư trú trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh thuộc hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quốc gia quy định từng thời điểm) được hưởng trợ cấp hàng tháng là 350.000 đồng. Và đến tháng 4/2017, tỉnh Quảng Ninh đang thực hiện chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng cho 18.069 người cao tuổi, mức trợ cấp 350.000 đồng/tháng (tăng 1,3 lần so với mức chuẩn Trung ương quy định).

2. Cử tri các huyện miền Đông của Tỉnh và huyện Cô Tô kiến nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh quan tâm, tạo điều kiện nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ thuộc bệnh viện tuyến huyện; quan tâm đầu tư trang thiết bị đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đề nghị bố trí nơi neo đậu xuồng cao tốc thường trực cấp cứu ở phía cảng huyện Cô Tô để kịp thời cấp cứu bệnh nhân.

** Về nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ thuộc bệnh viện tuyến huyện; đầu tư trang thiết bị.*

Hiện nay, năng lực cung cấp dịch vụ y tế của các đơn vị y tế ở miền Đông của Tỉnh và huyện Cô Tô có sự khác biệt với các đơn vị y tế tuyến tỉnh và ở miền Tây của Tỉnh mà nguyên nhân cơ bản là thiếu hụt nguồn nhân lực bác sỹ, đặc biệt là các bác sỹ có trình độ chuyên môn giỏi.

Để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ y tế cho địa bàn vùng khó khăn của tỉnh, theo đề xuất của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo các giải pháp cấp bách và chiến lược lâu dài nhằm giải quyết tình trạng trên một cách bền vững, trong đó:

(1) Tập trung thực hiện các giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có trình độ bác sỹ như: Chỉ đạo các đơn vị xây dựng các cơ chế đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng môi trường làm việc, áp dụng thực hiện phân phối thu nhập tăng thêm cho cán bộ y tế theo năng lực, chất lượng, hiệu quả công việc; dành chỉ tiêu biên chế chỉ để tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao...; ưu tiên phân công bác sỹ chính quy đào tạo hệ cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ cho các đơn vị khó khăn; đồng thời, từng bước

hạn chế và tiến tới chấm dứt đào tạo liên thông để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

(2). Phân công cho mỗi bệnh viện tuyến tỉnh chịu trách nhiệm hỗ trợ toàn diện về chuyên môn cho một đơn vị y tế tuyến huyện vùng khó khăn (Bệnh viện đa khoa tỉnh hỗ trợ Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà; Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả hỗ trợ Trung tâm Y tế huyện Ba Chẽ; Bệnh viện Bãi Cháy hỗ trợ Trung tâm Y tế Bình Liêu; Bệnh viện Sản Nhi hỗ trợ Trung tâm Y tế Cô Tô).

Các bệnh viện tuyến tỉnh đã tiến hành khảo sát toàn diện ở đơn vị tuyến huyện được giao hỗ trợ về mô hình bệnh tật địa phương, về tình hình trang thiết bị được đầu tư, về năng lực cung cấp dịch vụ kỹ thuật y tế tại trung tâm y tế..., từ đó đưa ra biện pháp hỗ trợ hiệu quả nhất, có tính khả thi như: Luân phiên cử kíp cán bộ chuyên môn tốt vừa làm việc vừa đào tạo cầm tay chỉ việc tại chỗ cho cán bộ y tế huyện; đào tạo sử dụng trang thiết bị hiện đại được trang cấp; hỗ trợ một số trang thiết bị y tế mà trung tâm y tế còn thiếu; đề nghị lãnh đạo trung tâm y tế cử cán bộ về đơn vị tuyến tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng một số kỹ thuật y tế mà đơn vị cần hỗ trợ...; ngoài ra, các đơn vị y tế tuyến tỉnh đều có sự liên kết, hỗ trợ công tác chuyên môn (cử bác sỹ giỏi đến đơn vị y tế tuyến huyện để khám chữa bệnh, phẫu thuật...) khi có yêu cầu.

Thông qua hoạt động hỗ trợ từ tuyến trên, dự kiến trong năm 2017, Trung tâm Y tế huyện Cô Tô, Ba Chẽ và Bình Liêu sẽ là 03 đơn vị y tế tuyến huyện cuối cùng trong ngành sẽ triển khai thường quy được kỹ thuật phẫu thuật nội soi.

(3) Tổ chức khám, chữa bệnh lưu động, đưa dịch vụ kỹ thuật y tế có chất lượng đến cho nhân dân vùng sâu, vùng xa:

Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế phân công các đơn vị y tế tuyến tỉnh lập kế hoạch (theo lịch 03 tháng/lần và cố định địa bàn) thành lập đoàn khám, chữa bệnh lưu động gồm các thầy thuốc có trình độ và kinh nghiệm, thuộc nhiều chuyên khoa... phối hợp với Trung tâm Y tế huyện đến khám, chữa bệnh cho nhân dân tại 41 xã khó khăn của Tỉnh; cấp thuốc hoặc kê đơn cho các Trung tâm Y tế huyện, trạm y tế cấp thuốc bảo hiểm y tế cho người dân đến khám, nếu phát hiện có bệnh; lập hồ sơ theo dõi người bệnh mãn tính bàn giao cho y tế cơ sở quản lý; thực hiện chuyển tuyến nếu vượt quá năng lực giải quyết tại trung tâm y tế huyện. Trong năm 2016, các đoàn khám, chữa bệnh lưu động đã khám được cho trên 22.000 lượt người dân; sàng lọc phát hiện và tư vấn chuyển tuyến điều trị kịp thời cho 700 người mắc các bệnh nặng, hiểm nghèo. Năm 2017, dự kiến sẽ tăng số lượng lượt khám lên 25% so với năm 2016.

(4) Đưa vào hoạt động hệ thống Telemedicine sau 02 năm đầu tư. Hệ thống có 30 điểm cầu, được kết nối các bệnh viện, trung tâm y tế trong Tỉnh và hai bệnh viện tuyến trung ương (Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Bệnh viện Bạch Mai) nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ y tế ở các tuyến nhất là ở vùng khó khăn.

Từ khi chính thức triển khai hệ thống đến nay đã thực hiện nhiều cuộc đào tạo rút kinh nghiệm chuyên môn, giúp cho các thầy thuốc tuyến dưới nhanh

chóng được tiếp cận những dịch vụ kỹ thuật, cập nhật các phác đồ chẩn đoán, điều trị mới; đồng thời, thông qua hệ thống này, Sở Y tế và các đơn vị y tế tuyến tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm... kịp thời, nhanh chóng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều trị và dự phòng, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế tuyến dưới.

(5) Đặc biệt, từ năm 2017, Sở Y tế sẽ triển khai thí điểm mô hình Nguồn nhân lực chất lượng cao sử dụng chung trong ngành y tế, khi đó nhiều thầy thuốc giỏi thuộc các chuyên ngành (lâm sàng, cận lâm sàng...) của các đơn vị tuyến tỉnh được làm việc, hỗ trợ chuyên môn tại tất cả các đơn vị y tế trong ngành (bao gồm cả các đơn vị y tế tuyến huyện) sẽ cơ bản khắc phục được tình trạng khó khăn về nhân lực chuyên môn cao của các đơn vị này.

(6) Đối với đầu tư trang thiết bị đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Trong những năm gần đây, song song với việc thu hút, đào tạo nguồn nhân lực y tế, các đơn vị y tế khu vực miền Đông của Tỉnh đã được đầu tư nhiều trang thiết bị y tế hiện đại giúp thực hiện được nhiều các kỹ thuật của tuyến tỉnh và một số kỹ thuật tuyến trung ương; các bệnh viện và trung tâm y tế khu vực miền Đông đều đã được đầu tư Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT scanner, hệ thống phẫu thuật nội soi (Cô Tô, Ba Chẽ và Bình Liêu là ba đơn vị cuối cùng được triển khai trong năm 2017); máy chụp Xquang kỹ thuật số, máy siêu âm màu, hệ thống xét nghiệm huyết học, sinh hóa và miễn dịch tự động đều đã được trang bị. Trong năm 2015 - 2016, các đơn vị được đầu tư một loạt trang thiết bị phòng mổ và hồi sức cấp cứu như máy gây mê kèm thở, bàn mổ, đèn mổ, monitor theo dõi BN và giường hồi sức cấp cứu từ ngân sách Tỉnh và của đơn vị.

Năm 2015, Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả đã được đầu tư nâng cấp mở rộng, xây mới khối nhà điều trị nội trú cao 7 tầng, bố trí thêm được 230 giường bệnh và trang bị một số trang thiết bị phòng mổ và hồi sức cấp cứu hiện đại. Năm 2016, đã hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà với cơ sở hạ tầng kỹ thuật, dây chuyền công năng liên hoàn và trang thiết bị y tế được hiện đại hóa. Cùng với sự hỗ trợ toàn diện của BV đa khoa tỉnh, chất lượng cung cấp dịch vụ y tế của Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà đã được cải thiện rất nhiều so với trước đây.

Trong năm 2017, Trung tâm Y tế các huyện Cô Tô, Bình Liêu, Ba Chẽ được đầu tư; riêng Trung tâm Y tế huyện Cô Tô sẽ được đầu tư hệ thống phẫu thuật nội soi để triển khai các kỹ thuật mổ nội soi ổ bụng ngay tại đơn vị với sự hỗ trợ của các Bệnh viện đa khoa Tỉnh, Bệnh viện Bãi Cháy và Bệnh viện Sản Nhi.

Theo kế hoạch của Tỉnh, 3 trung tâm y tế: Thành phố Móng Cái, huyện Hải Hà, huyện Cô Tô sẽ được đầu tư dự án nâng cấp mở rộng và dự kiến sẽ hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và khởi công trong năm 2018. Sau khi hoàn thành, các đơn vị này sẽ có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị hiện đại, đồng bộ góp phần nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ y tế của khu vực Miền Đông,

hải đảo.

Với các giải pháp trên, năng lực cung cấp dịch vụ của các đơn vị y tế cơ sở đã được cải thiện rõ rệt: Các cơ sở tuyến huyện đã ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị; sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị hiện đại được đầu tư, thực hiện được hàng trăm kỹ thuật của tuyến tỉnh, mang lại nhiều lợi ích cho người bệnh, góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến trên; niềm tin của nhân dân đối với các y tế tuyến cơ sở được nâng lên rõ rệt, người dân đã tin cậy chọn lựa khám, điều trị bệnh ngay tại tuyến huyện, hạn chế rất nhiều việc chuyển tuyến trên như trước đây.

** Về bố trí nơi neo đậu xuồng cao tốc thường trực cấp cứu ở cảng huyện Cô Tô để kịp thời cấp cứu bệnh nhân.*

Cảng Cô Tô được Sở Giao thông vận tải công bố hoạt động tại Quyết định 6858/QĐ-SGTVT ngày 28/11/2013 với vùng nước hoạt động của cảng là 13.900m², kích thước chiều rộng 50m dọc theo chiều dài cảng 278m.

Ngày 22/9/2016, Ủy ban nhân dân Tỉnh có văn bản số 5934/UBND-GT2 tạm giao cho Công ty TNHH Vận tải Ka Long tiếp nhận và quản trị khai thác các cảng bến, bến khách trên địa bàn huyện Vân Đồn, Cô Tô trong thời gian chờ đợi tiến hành các thủ tục lựa chọn đơn vị thực hiện đầu tư, quản trị, khai thác các cảng, bến nói trên theo hình thức đối tác công - tư.

Theo báo cáo của Công ty TNHH Vận tải Ka Long, ngay từ ngày tiếp nhận, Công ty đã triển khai bố trí sắp xếp các phương tiện vị trí neo đậu bao gồm: Nơi đón trả khách cho tàu cao tốc, tàu gỗ, tàu công vụ do đó các phương tiện hoạt động trong vùng nước cảng đã đi vào trật tự, nề nếp. Việc bố trí vị trí neo đậu thường trực cho xuồng cấp cứu tại Cảng không phù hợp do sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện khác. Khi có trường hợp xuồng cần vào Cảng để cấp cứu bệnh nhân, khi nhận được thông báo Cảng sẽ điều hành cho xuồng cấp cứu vào cảng đón bệnh nhân đảm bảo thuận lợi, an toàn nhanh chóng nhất và không có bất cứ trở ngại nào.

3. Cử tri huyện Hoành Bồ đề nghị Tỉnh quan tâm có giải quyết khắc phục tình trạng một số dòng sông bị bồi lấp (sông Trới, sông Cửa Lục); Tăng cường quản lý để kiểm soát xử lý việc khai thác, hút cát trái phép, khai thác vật liệu xây dựng, xây dựng các công trình bồi lấp dòng sông, gây ảnh hưởng đến môi trường, biến đổi dòng chảy, sạt lở đất, bờ kè, làm biến đổi hệ sinh thái của khu vực, tàn phá rừng ngập mặn.

** Về giải pháp khắc phục tình trạng một số dòng sông bị bồi lấp (Sông Trới, sông Cửa Lục).*

Để tăng khả năng lưu thông và tăng cường đảm bảo an toàn giao thông cho các phương tiện lưu thông trên các tuyến luồng đường thủy nội địa trên địa bàn Tỉnh nói chung và các sông trên địa bàn huyện Hoành Bồ nói riêng thì việc thực hiện nạo vét các tuyến luồng là cần thiết. Do ngân sách bố trí cho công tác quản lý, bảo trì các tuyến luồng đường thủy nội địa địa phương hạn chế nên hiện nay mới chỉ tập trung được cho công tác quản lý, bảo trì báo hiệu đảm bảo giao

thông trên các tuyến luồng, việc thực hiện nạo vét các tuyến luồng chưa thực hiện được bằng nguồn vốn ngân sách Tỉnh.

Thời gian qua, khi nguồn vốn ngân sách hạn chế, Bộ Giao thông vận tải và một số Tỉnh đã triển khai một số dự án nạo vét luồng theo hình thức xã hội hoá, tuy nhiên do một số bất cập phát sinh, hiện nay Chính phủ đang có các chỉ đạo các bộ, ngành, các địa phương tăng cường quản lý hoạt động nạo vét luồng kết hợp tận thu sản phẩm và giao Bộ Giao thông vận tải xây dựng Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét theo hình thức xã hội hoá. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định, Ủy ban nhân dân Tỉnh sẽ xem xét triển khai nạo vét các luồng đường thủy cần thiết trên địa bàn huyện Hoàn Bô.

Đồng thời để khắc phục tình trạng bồi lắng các sông trên địa bàn huyện Hoàn Bô, Ủy ban nhân dân Tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long, huyện Hoàn Bô thực hiện tốt công tác quản lý các dự án san lấp mặt bằng, khai thác khoáng sản trong khu vực.

** Về tăng cường quản lý để kiểm soát xử lý việc khai thác, hút cát trái phép, khai thác vật liệu xây dựng, xây dựng các công trình bồi lấp lòng sông, gây ảnh hưởng đến môi trường, biến đổi dòng chảy, sạt lở đất, bờ kè, làm biến đổi hệ sinh thái của khu vực, tàn phá rừng ngập mặn.*

Trong thời gian qua, để chủ động trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và triển khai ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo¹. Đồng thời, để phối hợp với các tỉnh, thành phố lân cận trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh ký Quy chế phối

¹ - Văn bản số 1657/UBND-NLN3 ngày 29/3/2016 về việc rà soát điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản phân tán nhỏ lẻ trên địa bàn Tỉnh;
 - Văn bản số 6835/UBND-CN ngày 27/10/2016 về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản phân tán nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (phê duyệt tại Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh);
 - Văn bản số 2366/UBND-CN ngày 10/04/2017 về việc công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trong quá trình thực hiện các dự án công trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh;
 - Văn bản số 358/UBND-CN ngày 17/01/2017 về việc triển khai thực hiện Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại thông báo số 37-KL/TU ngày 28/12/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ninh;
 - Văn bản số 87/UBND-GT2 ngày 06/01/2017 về việc thực hiện các tiêu chí để được phép tiếp tục hoạt động nạo vét luồng đường thủy nội địa có tận thu sản phẩm cát, sỏi đối với các dự án đã được cấp phép;
 - Văn bản số 5227/UBND-CN ngày 26/8/2016 về việc báo cáo nội dung ký Quy chế phối hợp trong công tác quản lý về khoáng sản cát, sỏi trên sông giữa 03 tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương;
 - Văn bản 2027/UBND-NLN3 ngày 14/04/2016 về việc xử lý khai thác cát trái phép tại khu vực sông Tiên Yên thuộc xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu;
 - Văn bản số 6000/UBND-CN ngày 26/9/2016 về việc tiếp tục thực hiện Thông báo số 288-TB/TU ngày 26/7/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ninh; Thông báo số 341-TB/TU ngày 05/9/2016 ý kiến chỉ đạo của thường trực Tỉnh ủy về việc tiếp tục triển khai Thông báo số 288-TB/TU ngày 26/7/2016 của Thường trực Tỉnh ủy;
 - Văn bản số 6888/UBND-CN ngày 28/10/2016 về việc thực hiện Thông báo số 391-TB/TU ngày 21/10/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ninh;
 - Văn bản số 2684/UBND-CN ngày 04/8/2016 về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn Tỉnh.

hợp trong công tác quản lý, trao đổi thông tin để kiểm tra, kịp thời xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về khai thác, vận chuyển và sử dụng cát, sỏi trên sông và cửa biển giữa tỉnh Quảng Ninh với thành phố Hải Phòng, tỉnh Hải Dương.

Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan quản lý tăng cường tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm theo pháp luật đối với các hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép trên địa bàn Tỉnh. Năm 2016 Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức kiểm tra đối với 25 đơn vị có hoạt động khai thác cát, sỏi, nạo vét luồng tàu có tận thu khoáng sản trên địa bàn Tỉnh và đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 đơn vị (Công ty TNHH Xây dựng Thắng Lợi, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đông Dương); nhắc nhở các đơn vị vi phạm lần đầu và hướng dẫn hoàn thiện thủ tục hồ sơ pháp lý theo quy định

Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các giải pháp thực hiện quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản:

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản, tài nguyên nước trên cơ sở rà soát, kiểm tra, điều chỉnh nội dung kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng để triển khai thực hiện. Cụ thể: Tiếp tục chương trình truyền thanh phát tại cấp xã; tổ chức các hội nghị tập huấn, phổ biến quy định pháp luật một cách thiết thực và hiệu quả hơn; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc kiểm tra, xem xét, đánh giá, đề xuất nội dung hướng dẫn, kiến nghị, yêu cầu thực hiện tại các cuộc thanh, kiểm tra định kỳ, đột xuất tại các đơn vị; kết hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật với giải quyết một cách công khai, minh bạch, đúng pháp luật các đề nghị, kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan; mỗi cán bộ, công chức phải luôn tôn trọng đạo đức công vụ, nhiệt tình, công tâm, khách quan; nhận thức đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong thực hiện công vụ, tích cực nâng cao kiến thức, năng lực thực thi công vụ; sẵn sàng hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực được phân công giải quyết từ đó nâng cao ý thức chấp hành, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp đối với công tác quản lý và hoạt động khoáng sản;

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung thông tin về các văn bản quy phạm pháp luật, thông tin quản lý, điều hành và thông tin về hoạt động khoáng sản trong phạm vi địa bàn, chủ động, kịp thời tham mưu, báo cáo, đề xuất các nội dung để Ủy ban nhân dân Tỉnh giải quyết các thủ tục hành chính, thực hiện công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Tỉnh; kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh thỏa thuận cấp phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật về khoáng sản; đảm bảo công tác quản lý, cấp phép và hoạt động khoáng sản trên địa bàn phù hợp với các Quy hoạch khoáng sản và định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và của các huyện, thị thuộc Tỉnh;

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các địa phương, các sở, ngành liên quan rà soát, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, tiếp tục tham mưu, đề xuất nội dung báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh điều chỉnh Quy hoạch tham dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản phân tán nhỏ lẻ trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (phê duyệt tại Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh);

- Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, cập nhật bổ sung thông tin, tài liệu về địa chất các khu vực có phân bố than nằm xen kẽ trong khu dân cư, vườn rừng, kịp thời tham mưu, đề xuất nội dung để Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố các khu vực khoáng sản than phân tán nhỏ lẻ trên địa bàn Tỉnh;

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan để kịp thời thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản được cấp phép khai thác và các sản phẩm khoáng sản thu hồi được từ các dự án nạo vét luồng lạch trên địa bàn Tỉnh.

4. Bệnh viện Vinmec được đầu tư xây dựng ở ngay bên bờ vịnh Hạ Long, đề nghị Tỉnh có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ và yêu cầu Nhà đầu tư công bố khu vực đổ thải và quy trình xử lý chất thải, rác thải của bệnh viện để các cơ quan chức năng và nhân dân được biết và giám sát đảm bảo vệ sinh môi trường vịnh Hạ Long và môi trường sống.

Dự án xây dựng Bệnh viện Vinmec được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 18/9/2015. Trong quá trình triển khai xây dựng Dự án, Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec đã thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, thực hiện niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án tại Ủy ban nhân dân phường Hồng Gai để mọi người dân quan tâm đều có thể xem và tham gia giám sát, đồng thời Công ty đã có văn bản số 586/CV-VINMEC JSC ngày 28/11/2016 về Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long gửi Ủy ban nhân dân phường Hồng Gai, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân Tỉnh để kiểm tra, giám sát. Đến ngày 30/3/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp Giấy xác nhận số 1673/GXN - TNMT cho Công ty xác nhận Hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long.

** Về quản lý chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty khi đi vào hoạt động.*

- Đối với chất thải rắn: Công ty đã bố trí các phòng chứa tại khu vực phía Đông của bệnh viện để lưu giữ các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của bệnh viện, lắp đặt điều hòa để đảm bảo chất thải được lưu giữ trong phòng không phát tán mùi gây ô nhiễm môi trường, cụ thể:

+ Chất thải sinh hoạt: Được bố trí các thùng thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh tại các buồng bệnh, hành lang. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh thực hiện thu gom chuyển vào các thùng có đậy nắp kín, lưu giữ trong phòng kín với diện tích khoảng 20 m². Thực hiện ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển môi trường đô thị Quảng Ninh vận chuyển 01 lần/ngày đưa đi xử lý.

+ Chất thải y tế là phế liệu, chất thải y tế tái chế: Được phân loại, thu gom chuyển về lưu giữ trong phòng kín với diện tích khoảng 66 m².

+ Chất thải nguy hại (CTNH): Công ty đã bố trí kho lưu trữ chất thải nguy hại, trong đó tách riêng chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác:

+ Đối với chất thải lây nhiễm: Được phân loại và lưu giữ trong các túi có màu sắc khác nhau tại các khoa phòng, sau đó chuyển về lưu giữ trong các thùng màu vàng có nắp đậy, lưu giữ trong phòng kín với diện tích khoảng 20 m².

+ Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm: Các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của bệnh viện được thu gom lưu giữ riêng trong các thùng có nhãn mã CTNH đặt trong kho chứa CTNH với diện tích khoảng 20 m².

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng mua bán, vận chuyển chất thải với Công ty Cổ phần công nghệ môi trường An Sinh để vận chuyển và xử lý.

- Đối với nước thải: Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị gồm có nước thải sinh hoạt và nước thải y tế.

Nước thải từ khu vực WC được thu gom và đưa vào 02 bể tự hoại: Bể tự hoại số 01 dung tích 12,7 m³, bể tự hoại số 02 dung tích 8,3 m³. Nước thải sinh hoạt sau khi đã qua bể tự hoại cùng nước thải y tế được thu gom và xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày bố trí ngay trong tầng hầm B1 bệnh viện. Sau đó được đầu nối về Trạm PS3 (trạm bơm nước thải về Trạm xử lý nước thải Hà Khánh) để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

Để giám sát chặt chẽ hoạt động xả chất thải, nước thải của Công ty ra môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường Vịnh Hạ Long và môi trường sống, Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong quá trình hoạt động của Công ty. Sở Tài nguyên và Môi trường đã yêu cầu Công ty:

1- Hoàn thiện các thủ tục về môi trường và tài nguyên nước theo quy định, bao gồm: Hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; Hồ sơ đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước đối với các khu vực phát sinh nước thải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2- Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải y tế công suất 150 m³/ngày đêm đảm bảo hiệu quả hoạt động của trạm.

3- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường định kỳ, báo cáo quan trắc môi trường, báo cáo công tác quản lý chất thải 1 lần/năm về Sở Tài nguyên và môi trường trước ngày 15/01 hàng năm.

4- Quản lý chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư liên

tích số 58/2015/TTLT-BYT- BTNMT ngày 31/12/2015 Quy định về quản lý chất thải y tế; quản lý chất thải nguy hại khác theo đúng quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/NĐ-CP ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh có cơ chế giám sát nghiêm ngặt và xử phạt nghiêm đối với các Nhà máy nhiệt điện trên địa bàn Tỉnh không vận hành đúng quy trình lọc bụi, xả thải ra môi trường ảnh hưởng nặng nề đến đời sống nhân dân.

Hiện nay trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh có 06 đơn vị sản xuất nhiệt điện đang hoạt động với tổng công suất 5.830 MW, bao gồm: Công ty Nhiệt điện Đông Triều-TKV tổng công suất 500 MW, Công ty Nhiệt điện Uông Bí công suất 1 tổ 300 MW và 1 tổ 330 MW, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh tổng công suất 1200 MW, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV tổng công suất 1200 MW, Công ty Nhiệt điện Mông Dương (Nhiệt điện Mông Dương 1 tổng công suất 1.100 MW), Công ty TNHH Điện lực AES-TKV Mông Dương (Nhiệt điện Mông Dương 2 tổng công suất 1200 MW); 01 đơn vị là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long đang trong quá trình xây dựng nhà máy với tổng công suất 600 MW, dự kiến năm 2018 sẽ đi vào hoạt động.

Thời gian qua vấn đề ô nhiễm từ bụi, khí thải từ các Nhà máy Nhiệt điện đã không ít lần được các cử tri kiến nghị đến các kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp và Quốc hội. Để kiểm soát ô nhiễm bụi, khí thải từ hoạt động của các Nhà máy nhiệt điện, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã có những cơ chế giám sát như sau:

- Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Kế hoạch số 6162/KH-UBND ngày 30/9/2016 về việc thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ cấp bách về bảo vệ môi trường, trong đó đã chỉ đạo các đơn vị nhiệt điện phải lắp đặt hệ thống quan trắc bụi, khí thải tự động tại ống khói của lò hơi truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi giám sát.

- Ngày 17/10/2017, Ủy ban nhân dân Tỉnh có Văn bản số 12/TB-UBND Thông báo kết luận của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh tại buổi làm việc nghe báo cáo tổng thể tình hình đầu tư hoạt động hệ thống quan trắc môi trường tự động trên địa bàn Tỉnh. Trong đó, yêu cầu các đơn vị sản xuất nhiệt điện thực hiện:

(1) Chủ động đầu tư, lắp đặt, quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động mới hoặc nâng cấp, cải tạo, bảo dưỡng hệ thống, thiết bị đã hoạt động đảm bảo hiệu quả thực chất việc quản lý, điều hành, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động (từ đây gọi tắt là QTMTTĐ) và bảo vệ môi trường tại đơn vị theo đúng quy định của luật bảo vệ môi trường 2014; Điều 39, Điều 47 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh,

dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ; Văn bản số 5417/BTNMT-TCMT ngày 18/11/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn truyền, nhận số liệu quan trắc tự động và Kế hoạch số 6162/KH-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường và Văn bản số 15/UBND-MT ngày 04/01/2015 về việc nâng cao chất lượng quản lý bảo vệ môi trường trong năm 2017 và các năm tiếp theo trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh.

(2) Chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có chức năng để: (i) Đồng bộ hệ thống thiết bị, phần mềm, hoạt động truyền dữ liệu, đảm bảo việc truyền dữ liệu về Trung tâm điều hành của Sở Tài nguyên và Môi trường; (ii) Khẩn trương sửa chữa khắc phục ngay các sự cố, bảo trì thiết bị QTMTTĐ và hoàn tất các nội dung cam kết theo đúng nội dung hợp đồng giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống QTMTTĐ; (iii) Bố trí cán bộ, nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp để vận hành thông suốt hoạt động QTMTTĐ; (iv) Thực hiện theo đúng các nội dung và cam kết trong báo cáo ĐTM (hoặc đề án BVMT, Kế hoạch BVMT) đã được duyệt.

(3) Đầu tư nâng cấp dây truyền công nghệ để giảm thiểu việc xả khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại... ra môi trường. Vận hành các công trình bảo vệ môi trường như: Hệ thống lọc bụi tĩnh điện, hệ thống xử lý NOx, SO2 theo đúng ĐTM đã được duyệt, lắp công tơ điện tử do cơ quan Nhà nước kẹp chì (Chỉ cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Quảng Ninh) đo lường điện tiêu thụ độc lập của hệ thống lọc bụi tĩnh điện tại vị trí dễ kiểm tra. Khẩn trương triển khai giải pháp đảm bảo không phát tán bụi tại các máng rót Clinker, rót than, nhất là tại khu vực vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, gần khu dân cư. Xây dựng chương trình định kỳ công khai, mở cửa nhà máy, cơ sở sản xuất để chính quyền địa phương và nhân dân cùng tham quan, giám sát công tác vận hành và bảo vệ môi trường.

(4) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Sở Tài nguyên và Môi trường cũng có nhiều văn bản đề đơn đốc các đơn vị sản xuất nhiệt điện thực hiện công tác bảo vệ môi trường như: Văn bản số 702/TNMT-BVMT ngày 15/02/2017 về việc tăng cường bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất xi măng nhiệt điện, Văn số 1544/TNMT-BVMT ngày 27/3/2017 về việc hoàn thiện lắp đặt công tơ điện tử do cơ quan nhà nước kẹp chì theo Thông báo số 12/TB-UBND ngày 17/1/2017 và Văn bản số 1889/TNMT-BVMT ngày 10/4/2017 về việc lắp đặt công tơ điện tử đo điện lượng điện tiêu thụ độc lập cho hệ thống lọc bụi tĩnh điện tại các đơn vị sản xuất xi măng, nhiệt điện

Kết quả đến nay các đơn vị Nhiệt điện đã thực hiện lắp đặt các trạm QTMTTĐ để thực hiện giám sát khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị mình. Căn cứ vào số liệu quan trắc môi trường tự động, kết quả thanh kiểm tra, Ủy ban nhân dân Tỉnh giao và Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ kiên

quyết lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính đối với các đơn vị có hành vi xả khí thải vượt quy chuẩn cho phép và các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp các đơn vị Nhiệt điện có các lỗi vi phạm nghiêm trọng về công tác bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh dừng hoạt động sản xuất của đơn vị cho đến khi hoàn thành khắc phục triệt để các lỗi vi phạm.

6. Đề nghị đẩy nhanh tiến độ thi công và bảo đảm an toàn giao thông trên Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương, đấu nối hoàn trả đường dân sinh và hệ thống thoát thải nước khi mùa mưa lũ đến.

** Về tiến độ thi công:*

Dự án thành phần Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương được khởi công ngày 02/9/2015, theo tiến độ hoàn thành trong năm 2016. Đây là công trình giao thông trọng điểm của Tỉnh, trong quá trình triển khai dự án đã nhận được sự chỉ đạo quyết liệt từ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh và sự vào cuộc của các sở, ngành, chính quyền địa phương và sự ủng hộ của nhân dân hai bên. Trong thời gian từ khi khởi công dự án đến nay, Sở Giao thông vận tải được Ủy ban nhân dân Tỉnh giao là đại diện Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hàng tuần, hàng tháng, Ủy ban nhân dân Tỉnh cũng thường xuyên kiểm tra và kịp thời chỉ đạo các nội dung vướng mắc liên quan đến dự án. Nhìn chung, các nhà thầu thi công đã có nhiều cố gắng trong triển khai thi công, tuy nhiên tiến độ thi công các gói thầu đều chậm so với yêu cầu chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh. Hiện nay, dự án đang được triển khai tích cực để hoàn thành trong tháng 04/2017.

** Về đấu nối hoàn trả đường dân sinh:* Hiện nay các nhà thầu đang triển khai thi công vượt nối tại các đường dân sinh theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

** Về hệ thống thoát nước:*

Việc bổ sung hệ thống thoát nước chưa kịp thời đã ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân. Từ quý I/2016, sau những phản ánh kiến nghị của nhân dân thành phố Cẩm Phả, Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo và Sở Giao thông vận tải đã phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả trực tiếp kiểm tra hiện trường, yêu cầu nhà đầu tư bổ sung các công ngang đường và khơi thông nạo vét hệ thống rãnh dọc trên tuyến, tuy nhiên việc triển khai của nhà đầu tư còn chậm.

Ủy ban nhân dân Tỉnh có văn bản số 2315/UBND-GT1 ngày 07/4/2017 “V/v kiểm tra, nghiệm thu hệ thống thoát nước dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương theo hình thức BOT” chỉ đạo và Sở Giao thông vận tải đang phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các địa phương (Hạ Long, Cẩm Phả) và nhà đầu tư kiểm tra và tiến hành nghiệm thu hệ thống thoát nước của dự án; yêu cầu nhà thầu khơi thông dòng chảy, trường hợp không đạt yêu cầu về thoát nước sẽ loại bỏ các hạng mục theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh. Sau khi hoàn thành các công việc trên sẽ đáp ứng nguyện vọng cử tri.

7. Đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện và

các cơ quan chức năng đẩy nhanh tiến độ, rà soát những đối tượng thụ hưởng chính sách theo Văn bản số 6720/UBND-NLN3 của Ủy ban nhân dân Tỉnh và thực hiện đúng có hiệu quả Đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh.

Đề án hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 27/01/2015.

** Về rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách theo Văn bản số 6720/UBND-NLN3.*

Trong quá trình triển khai Đề án, Ban Dân tộc cùng các huyện phát hiện ở một số địa phương có vấn đề như: sự biến động và sai lệch về số lượng đối tượng thụ hưởng, phương án hỗ trợ chưa cụ thể, chưa sát thực tiễn... nên Ban Dân tộc đã tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh có văn bản số 6720/UBND-NLN3 ngày 05/11/2015 chỉ đạo các địa phương rà soát, điều chỉnh lại về số lượng hộ thụ hưởng, từ đó chỉ đạo các xã xây dựng, điều chỉnh phương án hỗ trợ đến từng hộ cho từng loại chính sách.

Đến tháng 11/2016 đã rà soát, điều chỉnh lại được:

a) Về đất ở: Tổng số hộ thiếu đất ở dự kiến theo Đề án là 472 hộ; Tổng số hộ sau rà soát, điều chỉnh là 449 hộ (giảm 23 hộ).

b) Về đất sản xuất: Số hộ dự kiến theo Đề án là 2342 hộ; Số hộ sau rà soát, điều chỉnh là 1644 hộ (giảm là 716 hộ).

c) Về nước sinh hoạt:

- Nước sinh hoạt phân tán: Tổng số hộ thiếu nước sinh hoạt phân tán có nhu cầu hỗ trợ theo đề án là 2.350 hộ; sau rà soát điều chỉnh là 2642 hộ (tăng 292 hộ);

- Nước sinh hoạt tập trung: Theo đề án 44 công trình nước sinh hoạt tập trung cần xây dựng; từ cuối năm 2015 đến nay đã triển khai xây dựng 43 công trình, đạt 97,73 % kế hoạch (Ba Chẽ còn thiếu 2 công trình; Hoàn Kiếm tăng 01 công trình). Đến hết năm 2016 các công trình cơ bản đã hoàn thành.

Sau khi có kết quả rà soát lại, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã ban hành Quyết định số 4427/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 điều hòa nguồn vốn ngân sách Tỉnh năm 2016 thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; trong đó điều hòa các nội dung hỗ trợ của Đề án, cụ thể như sau: còn 5291 lượt hộ dân thuộc 11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh thuộc diện thụ hưởng chính sách, với tổng kinh phí 112.957,14 triệu đồng (trong đó: vốn ngân sách: 90.390,00 triệu đồng, vốn vay Ngân hàng chính sách xã hội: 2.010,00 triệu đồng; vốn huy động: 20.557,14 triệu đồng).

Trên cơ sở đó, các địa phương đã chủ động phân khai, thực hiện các nội dung hỗ trợ theo đúng mục tiêu, đến hết ngày 31/12/2016, thực hiện đạt được

79,6% chỉ tiêu kế hoạch Đề án sau khi được điều hòa, cơ bản đạt yêu cầu Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sang năm 2017, các địa phương đã đề xuất chuyển nguồn kinh phí thực hiện chính sách sang năm 2017 để thực hiện phần chỉ tiêu kế hoạch còn lại của Đề án sau khi được điều chỉnh; Ban Dân tộc tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh cho chuyển nguồn để các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung còn lại.

** Về hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề cho người lao động theo Đề án.*

- Đối với hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp: Đề án đã phê duyệt hỗ trợ cho 233 hộ, kinh phí 7.689 triệu đồng. Do không còn quỹ đất hỗ trợ và không có khả năng tự tìm nguồn quỹ đất nên các huyện Hải Hà và Hoành Bồ đã xin điều chỉnh giảm và chuyển sang hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với 227 hộ; chỉ thực hiện hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp đối với 06 hộ còn lại, với kinh phí 156 triệu đồng, đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4427/QĐ-UBND. Đến nay, vốn đã thực hiện và vốn đã giải ngân đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch Đề án sau khi được điều chỉnh.

- Đối với đất sản xuất lâm nghiệp:

+ Hỗ trợ trực tiếp bằng đất: Đề án phê duyệt hỗ trợ cho 247 hộ, với diện tích 1.235 ha. Đến nay, đã thực hiện: hỗ trợ cho 150 hộ (huyện Ba Chẽ), với 750 ha; còn lại 97 hộ (huyện Bình Liêu), với diện tích 485 ha, số hộ này sẽ thực hiện hỗ trợ theo Đề án giao đất giao rừng của huyện Bình Liêu;

+ Hỗ trợ bằng tiền: Do không còn quỹ đất hỗ trợ và không có khả năng tự tìm nguồn quỹ đất nên các huyện (Hải Hà, Tiên Yên) đã xin điều chỉnh giảm và chuyển sang hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với 458 hộ; chỉ thực hiện hỗ trợ đất sản xuất lâm nghiệp bằng tiền đối với 12 hộ (thuộc huyện Hải Hà), với kinh phí 180 triệu đồng. Đến nay, đã thực hiện hỗ trợ được 04 hộ, với số vốn là 60 triệu đồng, đạt 33,3% kế hoạch; vốn đã giải ngân là 60 triệu đồng, đạt 100%; 08 hộ còn lại Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà đã có báo cáo đưa ra khỏi diện hỗ trợ do không đủ diện tích đất để nhận chuyển nhượng.

- Đối với hỗ trợ chuyển đổi nghề: Đề án phê duyệt hỗ trợ 1.355 hộ, với kinh phí 28.455 triệu đồng. Do xác định đối tượng thiếu đất chưa chính xác nên các huyện (Hoành Bồ, Hải Hà, Tiên Yên, Bình Liêu, Đầm Hà và thành phố Uông Bí) đã xin điều chỉnh giảm số hộ cần hỗ trợ chuyển đổi nghề còn 504 hộ, với kinh phí 4.861 triệu đồng, đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4427/QĐ-UBND. Đến nay, đã thực hiện hỗ trợ 251 hộ, vốn đã thực hiện 1.510 triệu đồng, đạt 31,06% chỉ tiêu kế hoạch Đề án sau khi được điều chỉnh (vốn đã giải ngân là 1.425 triệu đồng, đạt 94%). Đối với 253 hộ còn lại, các huyện (Hoành Bồ, Tiên Yên, Bình Liêu, Đầm Hà) đang đề nghị được chuyển nguồn thanh toán vào năm 2017.

Như vậy, đến nay cơ bản các địa phương đã giải quyết được nhu cầu hỗ trợ về đất sản xuất và đang tiếp tục đề nghị chuyển nguồn sang năm 2017 để thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách,

phần đầu đạt được chỉ tiêu Kế hoạch Đề án sau khi được điều chỉnh.

Trong thời gian tới, để tiếp tục triển khai Đề án, Ủy ban nhân dân Tỉnh sẽ chỉ đạo:

- Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Tỉnh cho chuyển nguồn kinh phí còn lại của năm 2016 được chuyển sang 2017 xong trong tháng 4/2017 để các địa phương thực hiện các nội dung còn lại sau điều chỉnh nội dung, kinh phí cho thực hiện Đề án;

- Tiếp tục đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nội dung của Đề án và giải ngân và phần đầu hoàn thành 80% các chỉ tiêu Đề án đặt ra. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục tham gia giám sát thực hiện chính sách này;

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

- Các sở ngành của Tỉnh kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các huyện triển khai Đề án, tăng cường công tác kiểm tra và hướng dẫn, nhất là về quy trình, hồ sơ, thủ tục thanh toán, giải ngân và quyết toán nguồn vốn hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt phân tán, chuyển đổi nghề.

8. Đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng trong quá trình làm thủ tục chế độ, chính sách, công nhận đối với những người có công với cách mạng (Người có công, thương, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, gia đình chính sách, Thanh niên xung phong...) cần có sự hướng dẫn tận tình, các văn bản hướng dẫn cụ thể với thân nhân, người thụ hưởng về: trình tự, thủ tục, các loại giấy tờ liên quan, các cơ quan giải quyết, thời hạn trả lời và giải quyết... Tránh nhiều trường hợp các cơ quan đùn đẩy trách nhiệm, không trả lời cho thân nhân và người thụ hưởng chính sách được rõ ràng, dẫn đến hồ sơ, văn bản đề nghị kéo dài không được giải quyết, nảy sinh gửi đơn thư vượt cấp, người dân bất bình.

1. Về việc triển khai thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công

Sau khi Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với Cách mạng được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XI ban hành ngày 29/6/2005, tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức hội nghị (tháng 12/2005) tập huấn, hướng dẫn các nội dung quy định của Pháp lệnh và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan² cho toàn thể đội ngũ cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội ở các xã, phường, thị trấn và các huyện, thị xã, thành phố, các ban, ngành đoàn thể, các cơ quan liên quan trên địa bàn toàn Tỉnh để triển khai thực hiện.

² Nghị định số 147/2005/NĐ-CP ngày 30/11/2005 của Chính phủ, Thông tư số 33/2005/TT-BLĐTBXH ngày 09/12/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện về quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với Người có công với Cách mạng

Tháng 11/2006, Tỉnh tiếp tục tổ chức hội nghị tập huấn (mời giảng viên của Cục Người có công thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) để triển khai một số văn bản³ về quản lý sử dụng Quỹ đền ơn đáp nghĩa; về thủ tục hồ sơ, trình tự lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Trong quá trình thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, các sở, ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các địa phương trong toàn Tỉnh đã tổ chức việc hướng dẫn và thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước cho người có công với cách mạng: Chính sách về tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, quản lý mộ, nghĩa trang, đài tưởng niệm, bia ghi tên liệt sĩ; chế độ ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ; chế độ chăm sóc sức khỏe đối với người có công với cách mạng; chính sách hỗ trợ thân nhân liệt sĩ đi thăm viếng mộ và di chuyển hài cốt liệt sĩ; các chế độ ưu đãi đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945.

Thực hiện Pháp lệnh số 04/2012/PL-UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII, sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Pháp lệnh số 05/2012/ PL-UBTVQH13 ngày 20/10/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ “Việt Nam anh hùng” và các văn bản pháp luật liên quan⁴; ngày 05/7/2013, tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức hội nghị quán triệt, phổ biến cho lãnh đạo, cán bộ của các cơ quan, đơn vị⁵ và tập huấn lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ thuộc lĩnh vực người có công của 14 Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn Tỉnh. Ngay sau hội nghị của tỉnh các địa phương đều tiến hành triển khai hướng dẫn cụ thể đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn Tỉnh và tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với Người có công với Cách mạng.

Hằng năm, các cơ quan chuyên môn của Tỉnh đều tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh

³ Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 của Chính phủ về việc ban hành điều lệ quản lý sử dụng Quỹ đền ơn đáp nghĩa; Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng

⁴ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ “Việt Nam anh hùng”; Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

⁵ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Nạn nhân chất độc Da cam/dioxin; Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các Sở ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Y tế và Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin-Truyền thông, Tài chính, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an Tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ninh; lãnh đạo UBND cấp huyện; lãnh đạo của 14 Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

và Xã hội ở các xã, phường, thị trấn và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn toàn Tỉnh để triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn liên quan đến chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Cùng với đó, các sở, ngành thuộc Tỉnh đã thực hiện tốt việc tuyên truyền, triển khai, hướng dẫn các văn bản liên quan đến giải quyết chế độ đối với người có công với Cách mạng: Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh đã chủ trì triển khai Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 và Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến công Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ triển khai thực hiện Hướng dẫn số 30-HD/BTCTW ngày 12/8/2009 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về điều kiện, căn cứ và quy trình xét, công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945 đã hy sinh, tử trận. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện tốt việc rà soát, giải quyết dứt điểm khen thưởng tổng kết thành tích trong hai cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ; chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo quy định tại Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ; hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn và quy trình lập hồ sơ đề nghị phong tặng, truy tặng Danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ “Việt Nam anh hùng” theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH ngày 10/10/2014 của Liên Bộ Nội Vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nhằm hạn chế những sai sót trong việc giải quyết chế độ, chính sách cho người có công với cách mạng, khắc phục những tồn tại, thiếu sót ngay từ cơ sở và tạo thuận lợi cho người dân nói chung cũng như người có công với cách mạng và thân nhân của họ hiểu rõ về điều kiện, tiêu chuẩn các chế độ ưu đãi cũng như quy trình lập thủ tục hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ; từ năm 2015 đến tháng 3/2017, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Hội Nạn chất độc da cam/dioxin Tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức 31 cuộc tiếp xúc đối thoại trực tiếp với hơn 3.400 người có công với cách mạng và người dân trên các địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc 07/14 huyện, thị xã, thành phố (Đông Triều, Quảng Yên, Hạ Long, Cẩm Phả, Hải Hà, Đầm Hà và Tiên Yên). Tại các cuộc

đối thoại, các cơ quan chức năng của Tỉnh đã tiếp thu những kiến nghị, đề xuất hướng dẫn và tháo gỡ kịp thời trong công tác giải quyết chế độ chính sách, hạn chế việc đơn thư khiếu nại của công dân về lĩnh vực giải quyết chế độ đối với người có công với cách mạng; tuyên truyền giúp người dân hiểu được các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng và thấy được trách nhiệm của mình đối với việc tuân thủ Pháp luật trong việc kê khai, hoàn thiện hồ sơ đối với người có công với cách mạng.

Ngoài việc thường xuyên có văn bản chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương kịp thời triển khai thực hiện các quy định của Trung ương liên quan đến giải quyết chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thành lập tổ công tác trực tiếp hướng dẫn các địa phương để thẩm định, xét duyệt hồ sơ nhằm đảm bảo không để tồn đọng hồ sơ (nhất là hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học) ở các cấp.

2. Một số hạn chế, khó khăn vướng mắc

- Do điều kiện chiến tranh ác liệt, phức tạp, kéo dài và là cuộc chiến tranh nhân dân, chiến tranh kết thúc đã mấy chục năm nên việc lưu giữ giấy tờ gốc, tìm kiếm người xác minh, người làm chứng theo quy định gặp nhiều trở ngại vì thế trong một số trường hợp việc xác định đối tượng là người có công còn khó khăn. nhiều trường hợp không còn lưu giữ được các giấy tờ theo quy định nên không có căn cứ để xem xét, xác nhận.

Trên thực tế một số đối tượng là người tham gia kháng chiến (từ 8/1961-30/4/1975) tại các vùng mà quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học nhưng hiện tại họ không còn lưu giữ được bất cứ loại giấy tờ nào chứng minh được họ đã tham gia kháng chiến; một số có quyết định phục viên, xuất ngũ hoặc lý lịch quân nhân nhưng chỉ trong tài liệu hồ sơ này ghi phiên hiệu đơn vị từ sư đoàn hoặc lữ đoàn (f) trở xuống đại đội (c), tiểu đoàn (d), trung đoàn (e) không thể hiện được địa bàn hoạt động kháng chiến (chưa có trong bộ giải mã phiên hiệu đơn vị của quân đội). Hiện nay, những trường hợp này vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể để giải quyết chế độ cho đối tượng (hồ sơ chưa giải quyết được chủ yếu rơi vào những đối tượng nêu trên).

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực người có công có nhiều thay đổi, bổ sung; nhiều văn bản hướng dẫn theo các thời điểm khác nhau dẫn đến việc cập nhật, hệ thống và áp dụng thực hiện ở cơ sở còn hạn chế, thiếu sót. Việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện có lúc chưa kịp thời, chưa phù hợp, chưa tính hết các vấn đề phát sinh; sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết hồ sơ tồn đọng còn lúng túng. Một số địa phương chưa phản ánh kịp thời những vướng mắc về cơ quan chuyên môn cấp trên. Việc thực hiện quy trình xét duyệt ở một số địa phương trong tỉnh còn chưa đảm bảo, do đó hồ sơ phải chuyển trả lại nhiều dẫn đến thời gian giải quyết chế độ cho đối tượng bị kéo dài gây thắc mắc, tâm tư cho đối tượng được hưởng.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác lao động, thương binh và xã hội ở cấp xã do phải kiêm nhiệm nhiều mảng công việc, thay đổi vị trí công tác, không có

tính kế thừa và cập nhật số liệu thông tin về các chính sách chế độ liên quan đến người có công. Một số năng lực còn hạn chế chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc giải quyết chính sách đối với người có công, chưa hiểu đầy đủ và giải thích rõ ràng cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn cũng như quy trình lập thủ tục hồ sơ xác nhận ngay từ cơ sở, hồ sơ của đối tượng phải chuyển trả lại do chưa thực hiện đúng quy trình do đó gây bức xúc cho đối tượng.

3. Một số nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới.

- Ủy ban nhân dân Tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Thực hiện tốt công tác xác nhận và giải quyết chính sách đối với người có công với cách mạng theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan. Tổ chức thực hiện tốt việc chi trả trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, thực hiện đầy đủ kịp thời việc điều chỉnh tăng mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các chế độ chính sách: chế độ điều dưỡng, trang cấp dụng cụ chỉnh hình, chế độ trợ cấp ưu đãi trong giáo dục và đào tạo đối với học sinh, sinh viên là con của người có công, chế độ mai táng phí, chế độ tuất, chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng và theo các Quyết định liên quan đến chính sách ưu đãi đối với người có công của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người có công với cách mạng; nâng cao vai trò, nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, các đơn vị doanh nghiệp phải có trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách và quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng ở địa phương, đơn vị. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác chăm sóc người có công với cách mạng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực Người có công bằng việc tổ chức quán triệt, đối thoại, hướng dẫn đầy đủ kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn chỉ đạo để tổ chức triển khai thực hiện hướng dẫn kịp thời, tăng cường kiểm tra, đôn đốc các địa phương rà soát phát hiện và tổ chức xác nhận người có công đảm bảo không để hồ sơ xác nhận và giải quyết chính sách, chế độ cho các đối tượng còn tồn đọng tại các cấp; xử lý nghiêm các biểu hiện và hành vi vi phạm đến chính sách đối với người có công với cách mạng.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức thành viên tiếp tục tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chế độ chính sách của Nhà nước đối với người có công với cách mạng, triển khai phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" gắn với việc thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Mặt trận Tổ quốc các cấp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các tổ chức thành viên, nắm bắt, phát hiện để kiến nghị, bổ

sung, sửa đổi các chế độ, chính sách đối với các đối tượng chính sách và những người có công với đất nước.

- Đẩy mạnh việc cải cách thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực Người có công; thực hiện nghiêm các quy định của tỉnh về công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với chủ đề công tác năm của tỉnh “Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng nếp sống văn hoá, văn minh”. Tăng cường việc cải tiến lề lối, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc; thực hiện tốt văn hoá giao tiếp công sở, tiếp xúc đối tượng nhằm đảm bảo đúng quy định và văn minh lịch sự. Thực hiện việc công khai hoá các thủ tục hành chính, các thủ tục hồ sơ để xem xét giải quyết chế độ cho các đối tượng được thuận tiện nhanh chóng đảm bảo đúng quy định, đúng quy trình, đúng chính sách chế độ; đồng thời phải đảm bảo rút ngắn thời gian giải quyết theo chỉ đạo của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân Tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng, các địa phương chủ động tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền sớm sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung một số chính sách, quy định còn bất cập. nhằm đảm bảo việc thực hiện chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh ngày càng tốt hơn.

9. Đề nghị Tỉnh có chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, chỉ đạo thực hiện phối hợp ở các địa phương và tăng cường kỹ sư nông nghiệp có tay nghề cao cho các huyện, xã nông thôn, miền núi, góp phần tháo gỡ khó khăn kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ bà con nông dân phát triển nông nghiệp, đặc biệt là thực phẩm sạch, nông nghiệp xanh và bền vững.

** Về chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư, chỉ đạo thực hiện phối hợp ở các địa phương.*

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và thu hút các doanh nghiệp đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, cụ thể:

(1) Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017 - 2020; theo đó Nhà nước hỗ trợ: (i) Công tác quy hoạch, thực hiện dồn điền đổi thửa và Hỗ trợ tiền thuê đất; (ii) Hỗ trợ hạ tầng và thiết bị sản xuất; (iii) Hỗ trợ cửa hàng, gian hàng; (iv) Hỗ trợ mua giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; (v) Hỗ trợ phát triển sản xuất lâm nghiệp; (vi) Hỗ trợ mua vật tư nông nghiệp cho sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ; (vii) Hỗ trợ cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh sản phẩm khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm; hỗ trợ đầu tư làm cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu VietGap, Viet GACP; (viii) Hỗ trợ đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ; (ix) Hỗ trợ xúc tiến thương mại.

Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 899/2017/QĐ-UBND về điều kiện áp dụng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông

nghiệp tập trung trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017 - 2020 theo Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh để làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện.

(2) Chính sách hỗ trợ lãi suất đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp (Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 13/8/2012; Quyết định số 4204/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh): theo đó các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ lãi suất là 6%/năm/số dư nợ thực tế (mức dư nợ tối thiểu là 50 triệu đồng và tối đa là 10.000 triệu đồng).

(3) Chính sách hỗ trợ dự án phát triển sản xuất Chương trình 135 (Quyết định 1678/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh).

(4) Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh đến năm 2017 (Quyết định số 1066/2015/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của Ủy ban nhân dân Tỉnh).

Đối với các xã đặc biệt khó khăn, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã có một số chính sách hỗ trợ kinh phí ngân sách nhà nước, cụ thể:

(1) Quyết định số 3505/2013/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Tỉnh thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014 - 2020; theo đó nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng nông thôn mới dành 30% hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn.

(2) Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc phê duyệt Đề án nhiệm vụ và giải pháp đưa các xã, thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2017 - 2020;

Đối với các sản phẩm nông nghiệp sạch, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2017 - 2020, trong đó Ý e, g Mục 2 Điều 1 quy định:

“e) Hỗ trợ mua vật tư nông nghiệp cho sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ:

Người sản xuất được hỗ trợ 01 lần 50% kinh phí mua vật tư nông nghiệp cho các dự án sản xuất gồm: Phân hữu cơ, chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/dự án.

g) Hỗ trợ phát triển liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, nghiệp đoàn nghề cá và cơ sở sản xuất nông nghiệp an toàn:

- Đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thì được hỗ trợ một lần 10 triệu đồng/cơ sở.

- Đối với cơ sở sau khi được cấp giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP,

VietGAHP được hỗ trợ một lần chi phí đầu tư làm cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu VietGap, VietGAHP là 50 triệu đồng/cơ sở”.

** Về tăng cường kỹ sư nông nghiệp có tay nghề cao cho các huyện, xã nông thôn, miền núi.*

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 03/3/2015 của Tỉnh ủy, Đề án “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, thực hiện tinh giản bộ máy biên chế”, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế, theo đó trong giai đoạn hiện nay, Tỉnh đang tập trung thực hiện việc rà soát, sắp xếp, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh để đảm bảo thực hiện có hiệu quả việc tinh giản biên chế theo chủ trương của Trung ương, của Tỉnh.

Nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ bà con nông dân phát triển nông nghiệp, đặc biệt là thực phẩm sạch, nông nghiệp xanh và bền vững, các địa phương cần chủ động thực hiện việc rà soát, sắp xếp đội ngũ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực nông nghiệp hiện có mặt của đơn vị để phân công, bố trí, điều động tăng cường đội ngũ công chức, viên chức này về công tác tại các xã nông thôn, miền núi theo quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Đồng thời, các địa phương chủ động thực hiện việc xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp cho đội ngũ công chức, viên chức hiện có của đơn vị, nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp xanh, bền vững của địa phương.

Trong quá trình triển khai, địa phương nào chưa kịp đào tạo và có nhu cầu cần thiết về cán bộ ngay, cần chủ động có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạm thời biệt phái cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp xanh, bền vững của địa phương để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, biệt phái.

10. Đề nghị Công an Tỉnh chỉ đạo công an huyện Đầm Hà làm rõ vụ tai nạn giao thông ngày 15/9/2015 làm tử vong cháu bé Chiu Mai Hương sinh năm 2011 con anh Chiu A Sắt và chị Dương Tài Múi. Vụ việc đã được cử tri nêu nhiều lần với Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh và đại biểu Quốc hội.

Theo báo cáo của Công an Tỉnh:

Ngày 15/9/2015, gia đình ông Chiu Dì Quay (sinh năm 1967, trú tại: Bản Lý Sáy Chảy, xã Quảng Lâm, huyện Đầm Hà) tổ chức đám cưới cho con trai nên ông Quay đã dựng rạp đám cưới (dài 16,9m, rộng 7,36m) ở khu vực trước cửa nhà có lán chiếm ra lòng đường liên xã 1,77m. Đến 18 giờ 45 phút cùng ngày, chị Dương Tài Múi (sinh năm 1983, trú tại: Bản Lý Sáy Chảy, xã Quảng Lâm, huyện Đầm Hà) dẫn con gái là Chiu Mai Hương, sinh năm 2011 đến nhà ông Quay để ăn cỗ áp rạp đám cưới. Ăn xong thì cháu Hương và Thương ra chơi

nhảy dây cùng các cháu Chiu Cẩm Phòng, Lý A Kim và Chiu Mai Giang ở bên trong cách mép bạt của rạp căng giữa lòng đường khoảng 01m. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, anh Lê Văn Tiến (sinh năm 1982, trú tại: thôn Làng Ruộng, xã Đại Bình, huyện Đầm Hà) điều khiển xe ô tô tải Hoa Mai BKS 14C - 029.19 chở gỗ keo đi trước, đi sau cách khoảng 50 - 60m là xe ô tô tải BKS 14C - 089.61 do anh Giáp Văn Coóc tên gọi khác là Tuấn (sinh năm 1989, trú tại thôn Đông Thắng, xã Đông Ngũ, huyện Tiên Yên) điều khiển. Khi xe anh Coóc đi qua khoảng 1 phút thì cháu Chiu Cẩm Phòng phát hiện thấy cháu Hương bị ngã nằm úp mặt xuống đường. Mọi người kiểm tra phát hiện cháu Hương đã tử vong nên dùng xe máy đuổi theo chặn xe ô tô tải BKS 14C - 089.61 và xe ô tô BKS 14C - 029.19 lại. Đồng thời, thông báo sự việc trên cho Công an huyện Đầm Hà tiến hành điều tra.

Sau khi nhận được tin báo về việc có tai nạn giao thông xảy ra, Công an huyện Đầm Hà đã tổ chức tiến hành khám nghiệm hiện trường, ghi lời khai người liên quan, người làm chứng xác định nguyên nhân vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu điều tra thu thập, ngày 11/12/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đầm Hà đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" quy định tại Điều 202 - Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra do chưa làm rõ, chứng minh được người phạm tội nên ngày 11/3/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đầm Hà đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Ngày 24/11/2016, sau khi nhận được đơn khiếu nại của anh Chiu A Sắt (bố đẻ của cháu Chiu Mai Hương), Giám đốc Công an Tỉnh đã chỉ đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Tỉnh tiến hành thẩm định điều tra vụ tai nạn giao thông trên của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đầm Hà. Sau khi nghiên cứu, đánh giá toàn bộ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh đã trao đổi với Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh thống nhất chỉ đạo, hướng dẫn 02 cơ quan tiến hành tố tụng địa phương về đường lối xử lý vụ án trên.

Đến ngày 20/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đầm Hà đã ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ". Quá trình điều tra xác định anh Giáp Văn Coóc chính là người điều khiển xe ô tô ngày 15/9/2015 gây tai nạn giao thông làm cháu Chiu Mai Hương tử vong. Tuy nhiên, vụ tai nạn giao thông trên xảy ra trong trường hợp sự kiện bất ngờ được quy định tại Điều 11 Bộ luật Hình sự nên thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự. Còn đối với hành vi dưng rạp đám cưới của ông Chiu Dì Quay ngày 14/9/2015 đã vi phạm Khoản 3 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ; hành vi trên có dấu hiệu của tội phạm: "Cản trở giao thông đường bộ" quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự. Chính bởi vậy, ngày 11/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đầm Hà đã ra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" sang tội danh "Cản trở giao thông đường bộ"

để tiến hành điều tra.

Vào thời điểm này ông Chiu Di Quay đang phải điều trị ngoại trú về bệnh tâm thần tại Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần tỉnh Quảng Ninh. Đến ngày 22/12/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đàm Hà đã ra Quyết định trưng cầu giám định Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định tình trạng tâm thần đối với ông Chiu Di Quay. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 51 ngày 19/01/2017 của Viện pháp y tâm thần trung ương, kết luận: “Trước, trong ngày 15/9/2015 và tại thời điểm giám định đối tượng Chiu Di Quay có bệnh tâm thần phân liệt thể không biệt định. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 có mã bệnh F20.3. Tại các thời điểm trên đối tượng bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

Do ông Chiu Di Quay là đối tượng chính trong vụ án đang phải điều trị ngoại trú về bệnh lý tâm thần; bản thân Chiu Di Quay là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã vùng cao, nhận thức pháp luật hạn chế nên hai ngành Công an và kiểm sát huyện Đàm Hà đã căn cứ Khoản 4, Điều 8 “Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác” và Khoản 1 Điều 25 “Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, nếu khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa” của Bộ luật Hình sự để ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự “Cản trở giao thông đường bộ” nêu trên. Đồng thời, ngày 01/3/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà đã ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với ông Chiu Di Quay.

Riêng đối với đề nghị của gia đình nạn nhân Chiu Mai Hương, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đàm Hà đã trực tiếp giải thích và hướng dẫn gia đình gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà để được xem xét, giải quyết về dân sự đối với các đối tượng có liên quan theo quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo trả lời kiến nghị của cử tri sau Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XIV, Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh./. *Phg*

Nơi nhận:

- Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT Ủy ban nhân dân Tỉnh;
- VP ĐBQH Tỉnh;
- Các sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Y tế, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ;
- Công an Tỉnh;
- Ban Dân tộc; Ban Xây dựng nông thôn mới;
- UBND các địa phương: Hạ Long, Hoành Bồ;
- Công ty Cổ phần Ka Long;
- Đài PTTH Tỉnh, Báo Quảng Ninh;
- Lãnh đạo VP.UBND Tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, TH2.

N.10-BC002

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Huy Hậu